

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DSST
Ngày 18/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Công Chự**

2. Ông **Võ Hoài Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Lô 21 V, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Đặng Xuân H1** và bà **Đinh Thị Kim T**.

Địa chỉ: 287 V, thị trấn P, huyện P, Gia Lai.

Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh **Nguyễn Đức V**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: 52 T, Phường L, thành phố T, tỉnh Kon Tum.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020)

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thế H trình bày như sau: Vào ngày 05/11/2018 ông **Đặng Xuân H1** và bà **Đinh Thị T** có vay của ông **H** số tiền 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, đến nay đã quá hạn trả nợ, ông **H1** và bà **T** không trả nợ cho ông **H**.

Nay ông **H** yêu cầu ông **H1** và bà **T** phải trả cho ông **H** số tiền 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu về lãi suất của toàn bộ số tiền trên.

Bị đơn ông Đặng Xuân H1, bà Phạm Thị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại bản tự khai đề ngày 23/12/2012 và biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như sau:

Trước đây ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T có quan hệ làm ăn với ông Nguyễn Thế H và có phát sinh khoản nợ là 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Nay ông Nguyễn Thế H khởi kiện vợ chồng ông H1, bà T phải trả số tiền gốc 1.950.000.000 đồng, số tiền ông H yêu cầu ông H1, bà T trả là đúng, tuy nhiên, hiện tại do làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng trả một lần cho ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H1, bà T phải trả cho ông H 1.950.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt, do vậy không có ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm; nguyên đơn bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 1.950.000.000 đồng..

Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: *Đơn khởi kiện; 01 Tài liệu đề giấy ký nhận nợ bản gốc; 01 chứng minh nhân dân bản sao; 01 hộ khẩu gia đình bản sao; Bản tự khai của nguyên đơn; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung các bên thỏa thuận trong Giấy vay tiền lập ngày 05/11/2018 là Hợp đồng vay tiền. Ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T có địa chỉ ở tại Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2020 của ông Nguyễn Thế H nộp trực tiếp ngày 07/02/2020 có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây được viết là BLTTDS). Căn cứ theo các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự là nguyên đơn là ông Nguyễn Thế H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227

Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã cung cấp đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 05/11/2018 ông Nguyễn Thế H và ông Đặng Xuân H1, bà Đinh Thị Kim T có tự nguyện xác lập giao dịch dân sự về hợp đồng vay tiền với nội dung: ông H1, bà T vay của ông Nguyễn Thế H số tiền 1.950.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng. Giao dịch giữa ông H và ông H1, bà T được thể hiện tại Giấy vay tiền lập ngày 05/11/2018. Xét giao dịch giữa ông H và ông H1, bà T đối với khoản tiền nợ gốc 1.950.000.000 đồng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội đảm bảo các điều kiện có hiệu lực và thuộc hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015. Đối với số tiền lãi, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tổng cộng số tiền lãi từ ngày 05/11/2018 đến 05/01/2019 là 39.000.000 đồng. Từ ngày 06/01/2019, các bên thoả thuận không tính lãi. Xét thoả thuận về tiền lãi giữa các bên là vượt quá mức tối đa được Bộ luật dân sự quy định, tuy nhiên số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong thời gian 02 tháng là 39.000.000 đồng thấp hơn số tiền được tính theo mức lãi suất tối đa mà bộ luật dân sự cho phép. Mặt khác, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét về thoả thuận và số tiền lãi các bên đã thực hiện nghĩa vụ theo cam kết về lãi suất.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Vào ngày 05/11/2018, ông Đặng Xuân H1, bà Đinh Thị Kim T có vay của ông Nguyễn Thế H số tiền gốc là 1.950.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Đến hạn thanh toán, ông H1, bà T không thực hiện cam kết trả tiền gốc cho ông Nguyễn Thế H, do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông , ông Đặng Xuân H1, bà Đinh Thị Kim T vi phạm nghĩa vụ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đặng Xuân H1, bà Đinh Thị Kim T phải có nghĩa vụ chung trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 1.950.000.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của bị đơn thấy rằng: Tại bản tự khai đề ngày 23/12/2012 và biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2020, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thừa nhận việc ông H1, bà T có vay và đang nợ ông Nguyễn Thế H 1.950.000.000 đồng. Việc ông H1, bà T chưa thanh toán khoản nợ 1.950.000.000 đồng là do làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ý kiến của bị đơn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T có nghĩa vụ chung phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 275, 280, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H. Buộc ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T có nghĩa vụ chung trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền số tiền 1.950.000.000đ (*Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Đặng Xuân H1 và bà Đinh Thị Kim T có nghĩa vụ chung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.500.000 đồng (*Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng*). Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế H số tiền 32.250.000 đồng (*Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006711 ngày 07 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng

